

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Công ty 18-4, số 8 Phạm Hùng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Trang	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty Quản lý quỹ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Công ty 18-4, số 8 Phạm Hùng,
Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*đính kèm Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG



Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Số : -20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty quản lý quỹ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản tạm ứng cho Bà Hoàng Thị Hồng Tứ với giá trị là 1.500.000.000 đồng và Ông Phạm Quang Trung với giá trị 3.299.276.017 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính theo quy định hiện hành. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu dự phòng cho các khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty quản lý quỹ.



Phạm Thanh Ngọc

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Thiêm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1



Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

01/01/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		25.064.455.891	24.569.110.436
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	8.804.059.486	16.374.228.697
1. Tiền	111		304.059.486	374.228.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	10.672.288.630	4.284.378.630
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.653.124.145	11.653.124.145
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.480.835.515)	(7.368.745.515)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.588.107.775	3.905.117.109
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.4.1	641.457.500	-
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.4.2	22.000.000	22.000.000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	307.107.517	263.159.473
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4.	5.449.116.187	4.451.531.065
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(831.573.429)	(831.573.429)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.386.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	5.386.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		168.895.672	1.043.613.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	782.273.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	-	782.273.626
- Nguyên giá	222		67.600.000	1.457.165.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.600.000)	(674.891.374)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	168.895.672	230.389.461
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.511.644.800	2.511.644.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.342.749.128)	(2.281.255.339)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	30.950.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	-	30.950.493
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.233.351.563	25.612.724.016

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		326.452.934	251.939.538
I. Nợ ngắn hạn	310		326.452.934	251.939.538
1. Phải trả người bán	312	V.8.	93.174.562	49.226.518
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	15.958.595	7.174.550
3. Phải trả người lao động	315		92.238.307	70.457.000
4. Chi phí phải trả	316	V.10.	56.000.000	56.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.	25.044.509	25.044.509
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		44.036.961	44.036.961
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	V.12.	24.906.898.629	25.360.784.478
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.906.898.629	25.360.784.478
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		297.571.576	297.571.576
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		595.143.152	595.143.152
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.985.816.099)	(10.531.930.250)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.233.351.563	25.612.724.016

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

Mẫu số B 01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

01/01/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		25.388.800.000	25.388.800.000
Trong đó				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		25.319.000.000	25.319.000.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		69.800.000	69.800.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		2.242.540.000	2.242.540.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.13.	27.037.966.062	22.127.350.517
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		27.037.966.062	22.127.350.517
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.14.	375.970.020.716	375.970.020.716
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		375.970.020.716	375.970.020.716
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.15.	93.174.562	49.226.518

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phạm Quang Trung

Mẫu số B 02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu	01	VI.1.	186.806.043	186.681.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh dịch vụ (10=01-02)	10		186.806.043	186.681.914
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2.	316.883.216	598.646.845
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(130.077.173)	(411.964.931)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	489.598.407	428.089.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(826.416.211)	2.159.337.426
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.4.4	1.640.100.950	2.562.240.327
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(454.163.505)	(4.705.452.916)
10. Thu nhập khác	31		624.916	-
11. Chi phí khác	32		347.260	258.663
12. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		277.656	(258.663)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(453.885.849)	(4.705.711.579)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5.	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(453.885.849)	(4.705.711.579)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6.	(129,68)	(1.344,49)

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc



Phạm Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		142.857.999	168.962.132
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(668.542.637)	(1.518.867.779)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(864.574.042)	(1.321.246.436)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.500.000.000	7.583.445.148
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.666.643.185)	(9.363.369.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.556.901.865)	(4.451.076.720)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(5.500.000.000)	(3.586.308.145)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25		-	3.702.793.000
3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		486.732.654	471.094.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.013.267.346)	587.579.074
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(7.570.169.211)	(3.863.497.646)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.374.228.697	20.237.726.343
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	8.804.059.486	16.374.228.697

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phạm Quang Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Công ty 18-4, số 8 Phạm Hùng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU		Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2018
			Năm 2019	Năm 2018	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000		
2. Quỹ đầu tư phát triển		297.571.576	297.571.576	-	-	-	-	297.571.576	297.571.576		
3. Quỹ dự phòng tài chính		595.143.152	595.143.152	-	-	-	-	595.143.152	595.143.152		
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.531.930.250)	(5.826.218.671)	-	453.885.849	-	4.705.711.579	(10.985.816.099)	(10.531.930.250)		
Tổng cộng		25.360.784.478	30.066.496.057	-	453.885.849	-	4.705.711.579	24.906.898.629	25.360.784.478		

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 03/01/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Theo giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2015 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **35.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở Công ty tại địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Công ty 18-4, số 8 Phạm Hùng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty quản lý quỹ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội, được ghi nhận theo giá gốc. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước báo giá OTC hàng tháng, chi phí kiểm toán được xác định căn cứ theo công văn đề nghị thanh toán chi phí báo giá OTC, hợp đồng kiểm toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ thu phí lưu ký chứng khoán và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty lỗ nên không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	304.059.486	374.228.697
Tiền gửi ngân hàng	304.059.486	374.228.697
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	16.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	8.500.000.000	16.000.000.000
Cộng	8.804.059.486	16.374.228.697

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư ngắn hạn		11.653.124.145		11.653.124.145
Chứng khoán niêm yết		11.351.675.515		11.351.675.515
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (mã: OCH)	213.900	3.226.506.015	213.900	3.226.506.015
Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (mã: PVR)	2.318.000	8.125.169.500	2.318.000	8.125.169.500
Chứng khoán hủy niêm yết		301.448.630		301.448.630
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (mã: FBT)	6.980	301.448.630	6.980	301.448.630

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	5.500.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.480.835.515)	(7.368.745.515)
Chứng khoán niêm yết	(6.480.835.515)	(7.368.745.515)
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (mã: OCH)	(1.600.866.015)	(1.793.376.015)
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (mã: PVR)	(4.879.969.500)	(5.575.369.500)
Cộng	10.672.288.630	4.284.378.630

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	98.387.097	98.387.097
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	208.720.420	164.772.376
Cộng	307.107.517	263.159.473

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải thu khác	649.529.277	646.461.024
Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	17.640.475	17.640.475
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	600.000.000	600.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	31.686.302	28.820.549
Bảo hiểm xã hội	202.500	-
b) Tạm ứng	4.799.586.910	3.805.070.041
Ông Phạm Quang Trung (*)	3.299.276.017	2.299.276.017
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	1.500.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	310.893	5.794.024
Cộng	5.449.116.187	4.451.531.065

(*) Khoản tạm ứng theo biên bản họp hội đồng quản trị số 12/2019/BB-HĐQT ngày 05/03/2019 và nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐQT ngày 05/03/2019 của hội đồng quản trị Công ty để đầu tư mua cổ phần của các công ty có tiềm năng phát triển.

c) Phải thu khác là các bên liên quan : Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2019	1.389.565.000	67.600.000	1.457.165.000
Thanh lý nhượng bán	(1.389.565.000)	-	(1.389.565.000)
Số dư ngày 31/12/2019	-	67.600.000	67.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2019	607.291.374	67.600.000	674.891.374
Khấu hao trong kỳ	57.898.542	-	57.898.542
Thanh lý nhượng bán	(665.189.916)	-	(665.189.916)
Số dư ngày 31/12/2019	-	67.600.000	67.600.000
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01/01/2019	782.273.626	-	782.273.626
Số dư ngày 31/12/2019	-	-	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	-	5.386.000
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	5.386.000
b) Dài hạn	-	30.950.493
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	30.950.493
Cộng	-	36.336.493

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác		2.511.644.800		2.511.644.800
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (*)	224.254	2.511.644.800	224.254	2.511.644.800
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.342.749.128)		(2.281.255.339)
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội		(2.342.749.128)		(2.281.255.339)
Cộng		168.895.672		230.389.461

(*) : Đầu tư tài chính dài hạn khác là khoản đầu tư mua 224.254 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 7%.

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. Phải trả người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Tiên phong	93.174.562	49.226.518
Cộng	93.174.562	49.226.518

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	11.233.593	7.174.550
Thuế nhà thầu	4.407.651	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	317.351	-
Cộng	15.958.595	7.174.550

10. Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	44.000.000	44.000.000
Công ty CP Chứng khoán VNDirect	12.000.000	12.000.000
Cộng	56.000.000	56.000.000

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.044.509	25.044.509
Công ty CP Chứng khoán Đại Dương	6.698.634	6.698.634
Công ty Tài chính Hafinco	16.784.800	16.784.800
Nguyễn Thùy Dương	1.561.075	1.561.075
Cộng	25.044.509	25.044.509

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Công ty 18-4, số 8 Phạm Hùng,
Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2018	35.000.000.000	297.571.576	595.143.152	(5.826.218.671)	30.066.496.057
Lỗi trong năm	-	-	-	(4.705.711.579)	(4.705.711.579)
Số dư ngày 31/12/2018	35.000.000.000	297.571.576	595.143.152	(10.531.930.250)	25.360.784.478
Lãi trong kỳ	-	-	-	(453.885.849)	(453.885.849)
Số dư ngày 31/12/2019	35.000.000.000	297.571.576	595.143.152	(10.985.816.099)	24.906.898.629

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
Bà Hoàng Thị Hồng Tú	21.910.000.000	62,60%	21.910.000.000	62,60%
Ông Lê Minh Thành	11.550.000.000	33,00%	11.550.000.000	33,00%
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	1.540.000.000	4,40%	1.540.000.000	4,40%
Cộng	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

13. Tiền gửi của nhà đầu tư

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	22.127.350.517	13.943.540.400
Số tăng trong kỳ	5.054.133.544	8.353.085.749
Số giảm trong kỳ	(143.517.999)	(169.275.632)
Số dư cuối kỳ	27.037.966.062	22.127.350.517

14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	375.970.020.716	375.970.020.716
Chứng khoán niêm yết	102.426.923.716	60.197.170.716
Chứng khoán chưa niêm yết	273.543.097.000	315.772.850.000
Cộng	375.970.020.716	375.970.020.716

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Các khoản phải trả của Nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả phí lưu ký	93.174.562	49.226.518
Cộng	93.174.562	49.226.518

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	186.806.043	186.681.914
Cộng	186.806.043	186.681.914

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	106.077.173	387.197.634
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	210.806.043	211.449.211
Cộng	316.883.216	598.646.845

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	489.598.407	428.089.768
Cộng	489.598.407	428.089.768

4. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	-	1.726.527.040
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	50.546.340	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác	(876.962.551)	432.810.386
Cộng	(826.416.211)	2.159.337.426

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(453.885.849)	(4.705.711.579)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	220.000.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(453.885.849)	(4.485.711.579)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(453.885.849)	(4.705.711.579)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(453.885.849)	(4.705.711.579)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(129,68)	(1.344,49)

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Bà Hoàng Thị Hồng Tứ

Ông Phạm Quang Trung

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn

Tổng Giám đốc

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản Tạm ứng	4.799.276.017	3.799.276.017
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Phạm Quang Trung	3.299.276.017	2.299.276.017

Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương thưởng các thành viên chủ chốt	456.277.500	465.560.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.804.059.486	16.374.228.697
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	24.906.898.629	25.360.784.478
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.804.059.486	16.374.228.697
Các khoản đầu tư tài chính	10.841.184.302	4.514.768.091
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	5.566.107.775	3.883.117.109
Cộng	25.380.247.235	25.002.503.358
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	118.219.071	74.271.027
Chi phí phải trả	56.000.000	56.000.000
Cộng	174.219.071	130.271.027

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	118.219.071	-	118.219.071
Chi phí phải trả	56.000.000	-	56.000.000
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	74.271.027	-	74.271.027
Chi phí phải trả	56.000.000	-	56.000.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.804.059.486	-	8.804.059.486
Các khoản đầu tư tài chính	10.672.288.630	168.895.672	10.841.184.302
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	5.566.107.775	-	5.566.107.775

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.374.228.697	-	16.374.228.697
Các khoản đầu tư tài chính	4.284.378.630	230.389.461	4.514.768.091
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghịệp vụ và phải thu khác	3.883.117.109	-	3.883.117.109
4. Những thông tin khác			
4.1 Phải thu của khách hàng			
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	
Công ty CP Giáo dục Veritas	641.457.500	-	
Cộng	641.457.500	-	
4.2 Trả trước cho người bán			
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	22.000.000	22.000.000	
Cộng	22.000.000	22.000.000	
4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	
Chi phí nhân viên quản lý	854.018.183	994.009.286	
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	36.336.493	51.055.838	
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.898.542	231.594.168	
Chi phí dự phòng	-	(72.000.000)	
Thuế, phí và lệ phí	13.214.636	12.464.419	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.502.828	776.363.578	
Chi phí khác bằng tiền	5.130.268	568.753.038	
Cộng	1.640.100.950	2.562.240.327	

5. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Quản lý quỹ Thái Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Quang Trung

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Ngọc